

GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ TÌNH TRẠNG THAM GIA LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

POPULATION AGEING AND WORKING PARTICIPATION TRENDS OF THE ELDERLY IN VIETNAM

Trần Thị Thúy Ngọc¹

¹Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

*Tác giả liên hệ: ngocttt@due.edu.vn

(Nhận bài: 06/4/2021; Chấp nhận đăng: 23/7/2021)

Tóm tắt - Mục tiêu của bài viết này là đánh giá ngắn gọn xu hướng tham gia làm việc của người cao tuổi (NCT) (từ 60 tuổi trở lên) ở Việt Nam và những sự khác biệt trong xu hướng tham gia này theo các đặc trưng nhân khẩu học. Bằng cách sử dụng dữ liệu điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình (VHLSS) từ năm 2002 đến năm 2016 của Tổng cục Thống kê, kết quả nghiên cứu cho thấy, thực tế phần lớn NCT Việt Nam vẫn tiếp tục tham gia làm việc và tỷ lệ này có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây. Tỷ lệ NCT từ 60 tuổi trở lên tham gia làm việc vào năm 2002 là 45,29% thì đến năm 2016 tỷ lệ này tăng lên tương ứng là 54,94%. Mặc dù, có sự khác biệt khá rõ trong tỷ lệ tham gia lao động ở NCT khi phân tích theo các đặc trưng nhân khẩu học nhưng nhìn chung ở tất cả các cấp độ tỷ lệ tham gia làm việc của NCT Việt Nam đều tăng và có xu hướng hội tụ.

Từ khóa - Già hóa dân số; làm việc của người cao tuổi; Việt Nam

1. Giới thiệu

Già hóa dân số là một trong bốn “xu hướng lớn” đặc trưng cho dân số toàn cầu ngày nay - tăng dân số, già hóa dân số, đô thị hóa và di cư quốc tế. Trên toàn thế giới số lượng và tỷ lệ người cao tuổi (NCT) trong dân số ngày càng tăng nhanh. Năm 2019, trên toàn cầu có 703 triệu người từ 65 tuổi trở lên và Châu Á là nơi có số lượng NCT lớn nhất (261 triệu người), tiếp theo là Châu Âu và Bắc Mỹ (hơn 200 triệu người) [1] và cũng theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội về Châu Á - Thái Bình Dương [2], số lượng NCT (từ 60 tuổi trở lên) ở toàn Châu Á sẽ tăng hơn gấp đôi từ 322 triệu người năm 2000 lên khoảng 705 triệu người vào năm 2025. Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á nơi già hóa dân số đang diễn ra trên các quy mô khác nhau và với tốc độ khác nhau. Xu hướng già hóa ở châu Á diễn ra mạnh mẽ hơn ở châu Âu và Bắc Mỹ do tuổi thọ tăng nhanh hơn và tỷ lệ sinh giảm. Hiện tại, Nhật Bản là một xã hội siêu già với 27% dân số từ 65 tuổi trở lên. Theo sau là Hàn Quốc, Singapore và Thái Lan với 13%, 11% và 10,5% dân số từ 65 tuổi trở lên vào năm 2015 [3]. Trung Quốc và Ấn Độ, là hai nước có dân số lớn nhất thế giới, dự kiến sẽ có 14% dân số từ 65 tuổi trở lên vào năm 2044 tiếp đến là Indonesia, Thái Lan, Việt Nam và Myanmar. Mặc dù, Việt Nam chỉ là nước đang trong quá trình “già hóa dân số”, chứ chưa được coi là nước có “dân số già” nhưng Việt Nam được đánh giá là nước có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất so với các nước trong khu vực và dự đoán nước ta sẽ sớm là nước có “dân số già”. Năm 1990, tỷ lệ NCT (từ 60 tuổi trở lên) chiếm 7,2% dân số thì đến năm 2011 tỷ lệ này là 10%, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn “già hóa dân số” (Theo phân

Abstract - This paper is to briefly analyse the working participation trends of the elderly (aged 60 and older) in Vietnam and the differences in these trends by demographic characteristics. By employing dataset of the Vietnamese Household Living Standards Survey (VHLSS) carried out by the General Statistics Office from 2002 to 2016, the results show that in fact, the majority of the elderly in Vietnam continue working and this working participation rate has increased sharply in recent years. The working participation rate of the elderly aged 60 years and older was 45.29% in 2002 and increased to 54.94% in 2016. Although there exists big differences in the working participation rate among the elderly by demographic characteristics, overall, all groups reveal upward trends and tend to converge.

Key words - Population ageing; Elderly workers; Vietnam

loại của Cowgill và Holmes (1970) (trích dẫn từ [15]), khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% đến 9,9% tổng dân số thì dân số được coi là “già hóa”. Tương tự, 10%-19,9% gọi là dân số “già”; 20%-29,9% gọi là dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là dân số “siêu già”). Theo dự báo già hóa dân số sẽ tiếp tục tăng nhanh và đến năm 2038, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn “dân số già” với tỷ lệ NCT chiếm 20% trong tổng số dân số [4]. Với sự gia tăng nhanh chóng cả về con số tuyệt đối lẫn tương đối của dân số già, phúc lợi của dân số cao tuổi đã trở thành một mối quan tâm lớn ở Việt Nam.

NCT ở các nước đang phát triển cũng như ở Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề khác với NCT ở các nước phát triển. Trong bối cảnh ở các nước phát triển, với hệ thống an sinh xã hội được thể chế hóa tốt, phần lớn lực lượng lao động được tiếp cận với một số hình thức an sinh phúc lợi xã hội chính thức, đây là nguồn chính trong thu nhập hưu trí của họ. Trong khi đó, ở các nước đang phát triển làm việc trong khu vực chính thức và phi chính thức thường có các hệ thống hưu trí khác nhau đáng kể. Sự khác biệt giữa khu vực chính thức và khu vực không chính thức thể hiện ở cả hai mô hình nghỉ hưu và tiếp cận với an sinh xã hội tuổi già. Ở Việt Nam chỉ có một tỷ lệ nhỏ lực lượng lao động làm việc trong khu vực chính thức và nghỉ hưu trong khoảng độ tuổi từ 55 đối với nữ và 60 tuổi đối với nam và chỉ có khoảng 30% NCT sống bằng lương hưu hay trợ cấp xã hội. Ngược lại, lao động khu vực phi chính thức chiếm khoảng 70% [5] họ không được tiếp cận với bất kỳ hình thức an sinh xã hội nào như lương hưu, không có tuổi nghỉ hưu và dự kiến phải làm việc cho những năm về sau.

¹ The University of Danang - University of Economics (Ngoc Thuy Thi Tran)

Mặc dù, già hóa dân số là vấn đề hiện nay đang được quan tâm nghiên cứu và đã có một số nghiên cứu về sự tham gia lực lượng lao động ở người lớn tuổi trong bối cảnh ở các nước đang phát triển nhưng có rất ít nghiên cứu này trong bối cảnh Việt Nam. Do đó, mục tiêu của bài viết này là nghiên cứu xu hướng tham gia làm việc của người lớn tuổi ở Việt Nam và đánh giá tình trạng tham gia lao động ở người lớn tuổi có sự khác biệt giữa độ tuổi, giới tính và khu vực sinh sống hay không.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ở các nước phát triển và đang phát triển xu hướng cho thấy, sự tham gia lực lượng lao động của những người lớn tuổi đang gia tăng trong những thập kỷ gần đây. Dựa vào dữ liệu điều tra của SHARE, Croda và Gonzalez [6] cho thấy, NCT rất năng động, tích cực tham gia vào các hoạt động khác nhau với khoảng 30% tham gia vào thị trường lao động. Ngoài kỹ năng và trình độ thì các yếu tố như nơi họ sinh sống, giới tính, độ tuổi [7] cũng ảnh hưởng đến việc tham gia vào lực lượng lao động của NCT.

Nghiên cứu của Reddy [8] cho thấy, có sự khác biệt đáng kể theo giới tính, tuổi, và nơi cư trú trong việc tham gia lực lượng lao động ở NCT. Cụ thể, tỷ lệ tham gia lao động của nam giới cao tuổi cao gấp đôi so với nữ. Do ở các nước châu Á có sự phân chia giới tính trong các công việc gia đình. Phụ nữ thường là những người đảm nhận làm công việc nội trợ trong gia đình nên sẽ hạn chế về thời gian để tham gia vào thị trường lao động. Tương tự, tỷ lệ NCT tham gia làm việc ở khu vực nông thôn cũng cao hơn so với khu vực thành thị. Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do ở các nước đang phát triển - khu vực nông thôn công việc thường mang lại thu nhập thấp và họ cũng không được cung cấp bất kỳ sự hỗ trợ hưu trí nào, do đó nhiều người lớn tuổi ở Ấn Độ phải tự hỗ trợ bản thân bằng cách tiếp tục tham gia làm việc. Cũng nghiên cứu về sự tham gia lao động ở NCT theo Rajn [9] tỷ lệ tham gia lao động xét về mặt giới tính có sự khác biệt khá rõ ở người lao động lớn tuổi. Trong khi tỷ lệ tham gia lao động ở nam cao tuổi là 60,2%, thì đối với nữ cao tuổi là 20,9%. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế của nữ cao tuổi tham gia vào thị trường lao động hơn so với nam cao tuổi là do nữ giới có trình độ học vấn thấp hơn nhiều so với nam giới. Tỷ lệ này cũng có sự khác biệt theo khu vực sống, ở các nhóm tuổi khác nhau NCT ở nông thôn tham gia làm việc cao hơn so với thành thị.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa giới tính và tuổi tác trong việc tham gia vào việc làm linh hoạt của những người lao động lớn tuổi (từ 50 tuổi trở lên) Lorreto và Vickerstaff [10] nhận thấy rằng, có sự khác biệt về mặt giới tính. So với nam giới phụ nữ thường đảm đương trách nhiệm chăm sóc con cháu và gia đình nên hạn chế khả năng tham gia vào thị trường lao động. Theo từng nhóm tuổi thì tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam giới cao tuổi cao hơn so với nữ cao tuổi Clark, York, Anker [11] và tỷ lệ này giảm

dần theo từng độ tuổi, cụ thể tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở nam cao tuổi ở nhóm tuổi từ 60-64 tuổi là 69,7% giảm còn 43,6% ở nhóm từ 65 tuổi trở lên (tương ứng với nữ cao tuổi là 33,4% ở nhóm tuổi 60-64 tuổi và giảm xuống còn 18,4% đối với nhóm 65 tuổi trở lên. Nghiên cứu của Long [12] cũng cho thấy, có sự khác biệt khá rõ ở tỷ lệ tham gia làm việc của NCT sống ở khu vực thành thị và nông thôn, so với thành thị thì ở khu vực nông thôn tỷ lệ nam và nữ cao tuổi tham gia làm việc đều cao hơn (19,46 điểm % ở nam và 18,13 điểm % ở nữ).

3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu và định nghĩa về sự tham gia làm việc của NCT. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu sơ cấp được kế thừa từ kết quả Điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình (VHLSS) của Tổng cục Thống kê Việt Nam [13] vào các năm 2002, 2006, 2012 và 2016. Dữ liệu khảo sát này không chỉ cung cấp thông tin về tình trạng làm việc của cá nhân, mà còn cung cấp thông tin về các biến số đặc điểm nhân khẩu - xã hội học rất phù hợp cho mục tiêu phân tích này. Dựa trên dữ liệu VHLSS tác giả tiến hành lựa chọn các biến số cho phân tích đối với mục tiêu của nghiên cứu. Hiện nay chưa có định nghĩa về làm việc của NCT nên trong bài viết này để phù hợp với dữ liệu nghiên cứu, tác giả tiếp cận theo khái niệm về việc làm của Tổng cục Thống kê đưa ra² để làm cơ sở phân tích tình trạng tham gia làm việc của NCT. Trong bài này, tác giả định nghĩa NCT là những người từ độ tuổi 60 trở lên. Tình trạng làm việc của NCT được lấy từ mục điều tra về việc làm dựa trên các câu trả lời liên quan về việc làm trong điều tra của VHLSS. Phân tích thống kê mô tả được thực hiện bằng cách lập các bảng chéo và biểu đồ ở thời điểm ban đầu và theo thời gian để chỉ ra sự thay đổi trong xu hướng tham gia làm việc của NCT trong thời gian nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

Tham gia vào lực lượng lao động là một trong những cách hiệu quả nhất để NCT tiếp tục đóng góp cho gia đình và xã hội. Cũng như nhiều nước Châu Á khác, với quá trình già hóa dân số nhanh chóng thì xu hướng NCT tham gia vào thị trường lao động ngày càng tăng là tất yếu. Hơn nữa, việc tiếp tục tham gia làm việc ở NCT có thể là cần thiết để chống lại nghèo đói trong một xã hội với hệ thống phúc lợi xã hội chưa được phát triển như Việt Nam. NCT ở Việt Nam chủ yếu sống ở khu vực nông thôn với thu nhập thấp nên khoản tích lũy cho tuổi già hầu như không có trong khi đó hệ thống an sinh xã hội thiếu và yếu nên nhiều NCT dù muốn hay không họ vẫn phải ở lại lực lượng lao động lâu hơn để hỗ trợ tài chính cho bản thân và gia đình. Bảng 1 cho thấy, xu hướng dài hạn về tỷ lệ tham gia làm việc của NCT từ 60 tuổi trở lên từ năm 2002. Đặc điểm đáng chú ý nhất quan sát được từ xu hướng này là tỷ lệ tham gia lao động của NCT đã tăng lên chứ không giảm từ năm 2002 đến năm 2016. Năm 2002, tỷ lệ tham gia làm việc ở NCT

² Khái niệm việc làm của Tổng cục Thống kê, việc làm là hoạt động lao động từ 1 giờ trở lên tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm. Bao gồm:

- Việc làm được trả công: Bằng tiền, hoặc dưới các hình thức khác mà người nhận tiền lương, tiền công... phải hoàn thành trong một thời gian nhất định với yêu cầu cụ thể về số lượng và chất lượng công việc do người

hoặc nơi trả lương, trả công quy định, không phân biệt nơi đó là cá thể hay cơ quan, doanh nghiệp...

- Việc tự làm: Là các công việc mà thu nhập phụ thuộc trực tiếp vào lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Việc tự làm gồm các công việc tự làm của bản thân để tạo thu nhập hoặc làm cho kinh tế hộ của gia đình mình không hưởng tiền lương, tiền công.

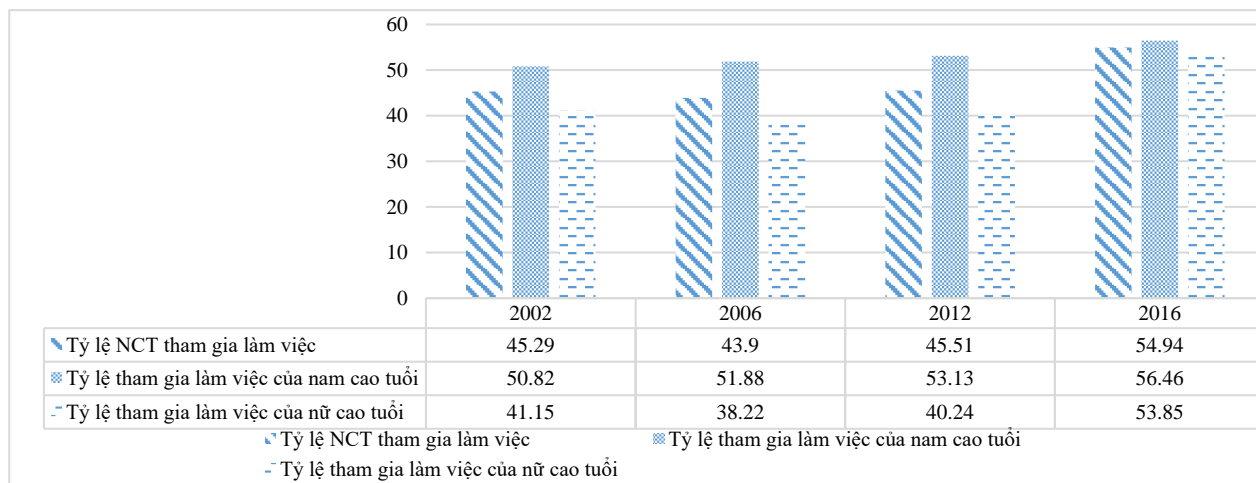
là 45,29%, thì đến năm 2016 tỷ lệ này tăng lên 54,94%. Điều này hoàn toàn trái với suy nghĩ thông thường, NCT là những người ở độ tuổi đã nghỉ hưu, với sự suy giảm của sức khỏe thể chất và tâm thần nên nghỉ ngơi và tách khỏi công việc là điều tất yếu.

Bảng 1. Tỷ lệ tham gia làm việc của NCT

Chỉ tiêu	Đvt	2002	2006	2012	2016
Tổng số NCT (chưa có trọng số)	Người	11.946	3.865	3.978	4.642
Tổng số NCT (theo trọng số)	Ngàn người	7.081	8.400	10.009	12.464
Số lượng NCT tham gia làm việc (chưa trọng số)	Người	5.476	1.752	1.886	2.615
Số lượng NCT làm việc (theo trọng số)	Ngàn người	3.206	3.687	4.555	6.848
Tỷ lệ tham gia làm việc của NCT (chưa trọng số)	%	45,84	45,33	47,41	56,33
Tỷ lệ tham gia làm việc của NCT (có trọng số)	%	45,29	43,90	45,51	54,94

Nguồn: Tác giả tự tính toán từ dữ liệu VHLSS

Về giới, cũng như nhiều nước Châu Á khác, tỷ lệ tham gia làm việc của nam giới và nữ giới cao tuổi là khác nhau. Hình 1 minh họa những thay đổi theo thời gian trong tỷ lệ tham gia làm việc của nam và nữ cao tuổi. Tỷ lệ tham gia làm việc ở nam và nữ cao tuổi Việt Nam có sự khác biệt đáng kể. Nam giới cao tuổi có tỷ lệ tham gia làm việc cao hơn so với nữ giới. Nói cách khác, giữa NCT có sự khác biệt về giới rõ ràng trong việc tham gia hoạt động kinh tế. Sự khác biệt này cũng là một điều dễ hiểu ở các nước có truyền thống văn hóa Á Đông như Việt Nam, ở các nước này có sự phân chia về giới tính trong gia đình và phụ nữ là người thường đảm nhận những công việc nội trợ trong gia đình và chăm sóc các cháu nên họ sẽ hạn chế về thời gian để tham gia vào thị trường lao động. Tuy nhiên, Hình 1 cũng cho thấy, xu hướng gia tăng rõ rệt trong tỷ lệ tham gia làm việc của NCT ở cả hai giới. Trong năm 2002, có 41,15% phụ nữ và 50,82% nam giới ở độ tuổi từ 60 trở lên tham gia làm việc, và trong suốt giai đoạn từ 2002 đến 2012, tỷ lệ tham gia làm việc của NCT nam luôn cao hơn phụ nữ cao tuổi. Nhưng nhìn vào kết quả ta cũng thấy được, sự khác biệt chênh lệch trong tỷ lệ tham gia làm việc giữa nam giới và nữ cao tuổi đang được thu hẹp dần, năm 2016 tỷ lệ tham gia làm việc ở NCT nam và nữ là (56,46%/53,85%), theo thời gian ngày càng có nhiều phụ nữ cao tuổi tham gia làm việc hơn.



Hình 1. Tỷ lệ NCT đang làm việc theo giới

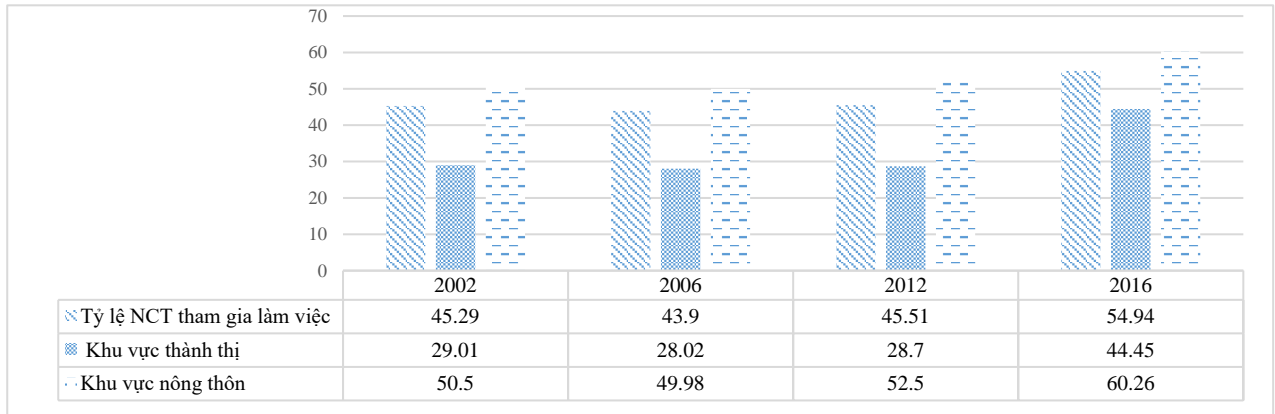
(Nguồn: Tác giả tự tính toán từ dữ liệu VHLSS)

Khi phân tích theo khu vực cho thấy, có một sự khác biệt rất rõ trong tỷ lệ tham gia lao động giữa NCT sống ở khu vực thành thị và NCT sống ở nông thôn. Hình 2 cho thấy, tỷ lệ làm việc của NCT ở khu vực nông thôn cao hơn 21,49 điểm phần trăm so với khu vực thành thị. Năm 2002 tỷ lệ tham gia lao động ở khu vực thành thị là 29,01% trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 50,5%. So với khu vực nông thôn, ở khu vực thành thị người dân thường làm việc trong khu vực chính thức cao hơn và họ mong đợi nhận được lương hưu khi nghỉ và họ phải đối mặt với việc nghỉ hưu bắt buộc ở độ tuổi khoảng 60 tuổi, do đó động lực tiếp tục tham gia làm việc có thể giảm đi. Ngược lại, phần lớn lao động ở nông thôn tham gia vào hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp và những công việc này không chỉ mang lại thu nhập thấp mà còn không có bất kỳ sự hỗ trợ hưu trí nào. Do đó, những NCT ở nông thôn Việt Nam phải

tự hỗ trợ bản thân bằng cách tiếp tục làm việc. Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ tham gia làm việc của NCT giữa khu vực thành thị và nông thôn Việt Nam. Hơn nữa hoạt động thị trường lao động của NCT ở khu vực nông thôn nhiều hơn có lẽ do khả năng tự lao động của NCT trong các công việc lao động như làm nông. Ngoài ra, tình trạng kinh tế của nông hộ không thuận lợi hơn so với cư dân thành thị, NCT ở khu vực nông thôn họ không có lương hưu cũng như những nguồn thu nhập khác đảm bảo cuộc sống khi về già nên làm việc là cách duy nhất để họ có nguồn thu nhập duy trì cuộc sống. Đặc điểm nổi bật nhất xu hướng được quan sát là trong khi tỷ lệ tham gia lao động ở khu vực thành thị giai đoạn 2002 -2010 tương đối ổn định thì sang năm 2016 tỷ lệ này đã tăng mạnh. Tỷ lệ tham gia lao động của nhóm NCT ở khu vực thành thị tăng 15 điểm phần trăm, từ 28,7%

lên 44,45%. Tỷ lệ tham gia lao động của NCT ở khu vực nông thôn vẫn tiếp tục có thể giải thích là do tác động của sự di cư ồ ạt của cư dân nông thôn vào đô thị (đa phần di cư là những người trẻ tuổi) đã đẩy nhanh quá trình già

hóa dân số ở vùng nông thôn, sự già đi của dân số nông thôn có thể đã dẫn đến việc thiếu hụt lực lượng lao động ở khu vực này. Do đó, tạo ra sự gia tăng trong tỷ lệ tham gia lao động của những người lớn tuổi ở khu vực nông thôn.

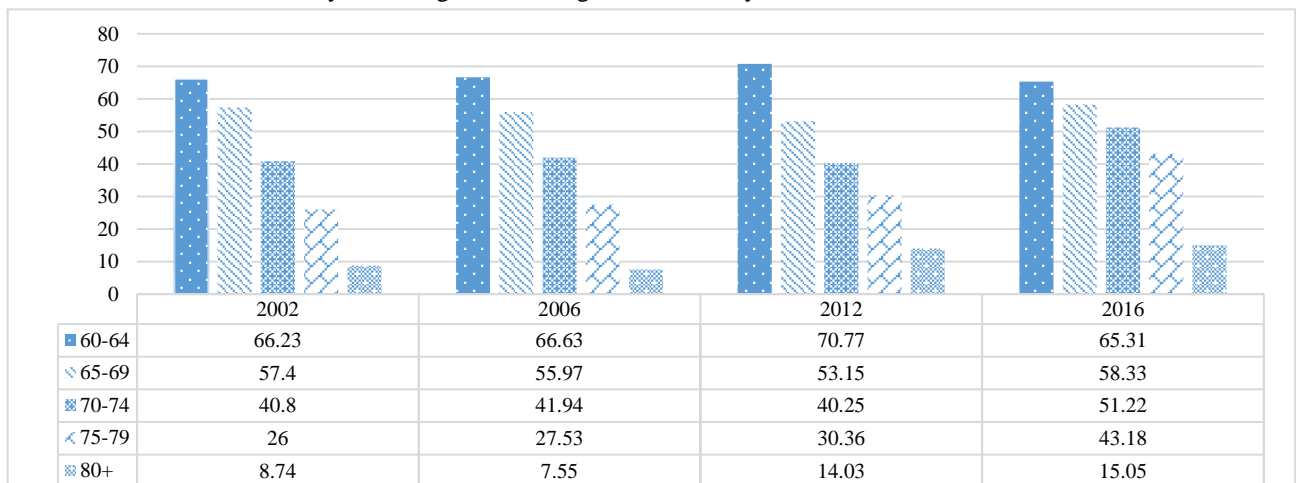


Hình 2. Tỷ lệ NCT đang làm việc theo khu vực

(Nguồn: Tác giả tự tính toán từ dữ liệu VHLSS)

Theo tuổi, Hình 3 mô tả những biến động gần đây của tỷ lệ làm việc ở NCT theo đặc trưng về tuổi. Trong bài viết này tuổi của NCT được chia thành 5 nhóm tuổi (60-64, 65-69, 70-74, 75-79 và 80 tuổi trở lên). Những NCT thuộc nhóm tuổi 60-64 có tỷ lệ tham gia làm việc ở mức cao khoảng 65% trong suốt giai đoạn 2002 đến 2016. Điều này cũng có thể lý giải đây là nhóm NCT trẻ khả năng sức khỏe cũng như vừa ở độ tuổi nghỉ hưu nên động lực tham gia lao động cao. Tỷ lệ làm việc của những người 65-69 cũng có xu hướng tăng từ giữa năm 2006 đến năm 2016. Sự di chuyển này có lẽ do phản ứng cộng hưởng, những người năng động ở độ tuổi 60-64 có xu hướng tiếp tục làm việc ở độ tuổi 65-69 và nhiều hơn. Có thể thấy trong Hình 3, việc phân tách tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo các nhóm tuổi cụ thể cho thấy sự khác biệt lớn. Như dự đoán, tỷ lệ tham gia làm việc giảm

đáng kể theo độ tuổi, điều này hoàn toàn có thể lý giải được, ở độ tuổi càng cao thì sức khỏe thể chất và tâm thần càng suy yếu nên làm hạn chế khả năng tham gia lao động của NCT. Mặc dù, tỷ lệ tham gia làm việc giảm theo độ tuổi nhưng đáng chú ý là tỷ lệ này vẫn còn khá cao đối với nhóm tuổi 75-79 và 80 tuổi trở lên. Các nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng, tồn tại mối quan hệ tiêu cực giữa phát triển kinh tế và sự tham gia làm việc ở người lớn tuổi [14] và kinh nghiệm lịch sử cho thấy, ở hầu hết các nước phát triển sự tham gia vào lực lượng lao động của NCT giảm theo sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong trường hợp của Việt Nam thì ta thấy ở tất cả các nhóm tuổi tỷ lệ tham gia làm việc đều cao và có xu hướng gia tăng. Đây là điểm cần quan tâm nghiên cứu sâu hơn, nguyên nhân của sự gia tăng tham gia làm việc ở nhóm tuổi này.



Hình 3. Tỷ lệ NCT đang làm việc theo độ tuổi

(Nguồn: Tác giả tự tính toán từ dữ liệu VHLSS)

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu này đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về tình trạng tham gia làm việc của người lớn tuổi ở Việt Nam, từ các kết quả phân tích cho thấy:

Thứ nhất, có một bộ phận không nhỏ NCT Việt Nam

vẫn tiếp tục tham gia làm việc và tỷ lệ tham gia làm việc ở NCT có xu hướng tăng theo thời gian. *Thứ hai*, bằng chứng cho thấy, tuổi của NCT có liên quan đáng kể đến sự tham gia vào lao động của dân số cao tuổi Việt Nam. Theo đó ở nhóm tuổi càng cao thì tỷ lệ tham gia làm việc giảm đi,

nhưng ở nhóm tuổi từ 75-79 và 80 tuổi trở lên có tỷ lệ tham gia làm việc cũng tương đối cao. Đây là điểm cần phải lưu ý xem xét - sự tham gia làm việc của nhóm tuổi này có phải là do những cải thiện về sức khỏe, do sở thích làm việc hay họ buộc phải làm việc để mưu sinh. *Thứ ba*, nam cao tuổi có tỷ lệ tham gia làm việc cao hơn so với nữ cũng như những NCT ở khu vực nông thôn có tỷ lệ làm việc cao hơn so với khu vực thành thị. Tuy nhiên, tình trạng tham gia làm việc giữa NCT nam và nữ cũng như NCT ở khu vực thành thị và nông thôn có xu hướng hội tụ. Điều này ở một khía cạnh nào đó thể hiện sự chủ động tham gia vào quá trình lão hóa tích cực ở NCT. Những phát hiện này cho thấy NCT có thể, thậm chí đang có những đóng góp to lớn cho xã hội. Vì vậy, xã hội nên xem NCT như là nguồn nhân lực giàu tri thức và kinh nghiệm tiếp tục đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hơn nữa, với những thay đổi về nhân khẩu học và xu hướng nghỉ hưu trong tương lai cho thấy, cần phải phát triển các chiến lược cho phép tốt hơn sự hội nhập thành công của người lao động lớn tuổi vào lực lượng lao động.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu này, tác giả gợi ý một số khuyến nghị chính sách nhằm giúp tăng cường sự tham gia làm việc của NCT ở Việt Nam trong nỗ lực thúc đẩy quá trình già hóa tích cực.

- *Thứ nhất*, Chính phủ cần phát triển các chương trình và mở nhiều cơ hội việc làm hơn cho người lớn tuổi. Chính phủ được coi là đóng một vai trò quan trọng trong việc biến tâm nhìn tăng việc làm của NCT thành hiện thực. Vì nếu không có những sáng kiến và nỗ lực từ Chính phủ thì sẽ không bao giờ thành công. Bên cạnh các chính sách của Chính phủ, cũng cần sự tham gia của các tổ chức, người sử dụng lao động và bản thân NCT cũng cần phải được nhấn mạnh trong việc thúc đẩy tạo việc làm cho NCT.

- *Thứ hai*, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách để khuyến khích người sử dụng lao động thuê và giữ chân người lao động lớn tuổi và cung cấp hỗ trợ tài chính cho NCT có ý định thành lập doanh nghiệp của riêng mình.

- *Thứ ba*, hiện tại ở các tỉnh, thành phố đều đã có Trung tâm giới thiệu việc làm vì vậy, cần sớm hình thành các phòng tư vấn việc làm riêng cho lao động cao tuổi để họ có thể tiếp cận và nhận được sự hỗ trợ tìm việc làm. Đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi và bình đẳng cho NCT.

- *Thứ tư*, trung tâm giới thiệu việc làm cung cấp các cơ hội đào tạo và đào tạo lại cho NCT để giúp họ nâng cao tay nghề và kỹ năng mới để có thể cạnh tranh trong tìm việc làm ở thị trường lao động mới.

- *Thứ năm*, Bộ LĐ-TB-XH phối hợp với các cơ quan

báo chí đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức của xã hội về việc làm cho NCT, qua đó tăng cơ hội việc làm cho NCT theo nhu cầu của thị trường.

- Cuối cùng, bên cạnh những nỗ lực cải thiện tình trạng làm việc cho NCT thì Chính phủ cũng cần tập trung vào các chính sách nhằm cải thiện phúc lợi cho NCT, nhất là nhóm NCT yếu thế như phụ nữ và những người sống ở khu vực nông thôn.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2021, mã số: T2021-04-01, do Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNDESA, "World Population Ageing 2019 (ST/ESA/SER.A/444)." pp. 1-64, 2020.
- [2] Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), "Implementation, Gaps and Challenges Ahead in the ESCAP Region", 2004.
- [3] UNDESA, *World Population Ageing 2017_ Highlights*. United Nations, 2017.
- [4] UNFPA, "Thông tin tóm tắt Già hóa dân số nhanh chóng ở Việt Nam: Thách thức và cơ hội", 2016.
- [5] Giang Thanh Long and Phí Mạnh Phong, "Thực trạng và các yếu tố tác động tới nghèo của người cao tuổi ở Việt Nam", *Kinh tế Phát triển*, vol. 233, pp. 70-79, 2016.
- [6] E. Croda and J. Gonzalez, "How Do European Older Adults Use Their Time?", *Heal. Ageing Retire. Eur. - First Results from Surv. Heal. Ageing Retire. Eur.*, pp. 235-281, 2005.
- [7] T. Grifiin and F. Beddie, "Older workers : research readings", *Natl. Cent. Vocat. Educ. Res.*, 2011.
- [8] A. B. Reddy, "Labour force participation of elderly in India: Patterns and determinants", *International Journal of Social Economics*, vol. 43, no. 5, pp. 502-516, 2016.
- [9] I. Rajan, *Demographic ageing and employment in India*. International Labour Organization, 2010.
- [10] W. Loretto and S. Vickerstaff, "Gender, age and flexible working in later life", *Work. Employ. Soc.*, vol. 29, no. 2, pp. 233-249, 2015.
- [11] R. L. Clark, E. A. York, and R. Anker, "Economic development and labor force participation of older persons", *Popul. Res. Policy Rev.*, vol. 18, no. 5, pp. 411-433, 1999.
- [12] G. T. Long and L. T. Ly, "Determinants of Labor Force Participation of Older People in Vietnam", *Journal of Economics and Development*, vol. 17, no. 2, p. 29, 2015.
- [13] Tổng cục Thống kê Việt Nam, "Số liệu sơ cấp từ nguồn Điều tra khảo sát mức sống Hộ gia đình (VHLSS)", GSO.
- [14] A. Barrientos, "Livelihood Strategies for Old Age Income Security: Strengthening the Co-functioning of Formal and Informal Protection", *Backgr. Pap. World Econ. Soc. Surv. 2007*, vol. 44, no. January 2007, pp. 1-33, 2007.
- [15] N. O. Tsuya and L. G. Martin, "Living arrangements of elderly Japanese and attitudes toward inheritance", *Journals of Gerontology*, vol. 47, no. 2, 1992.